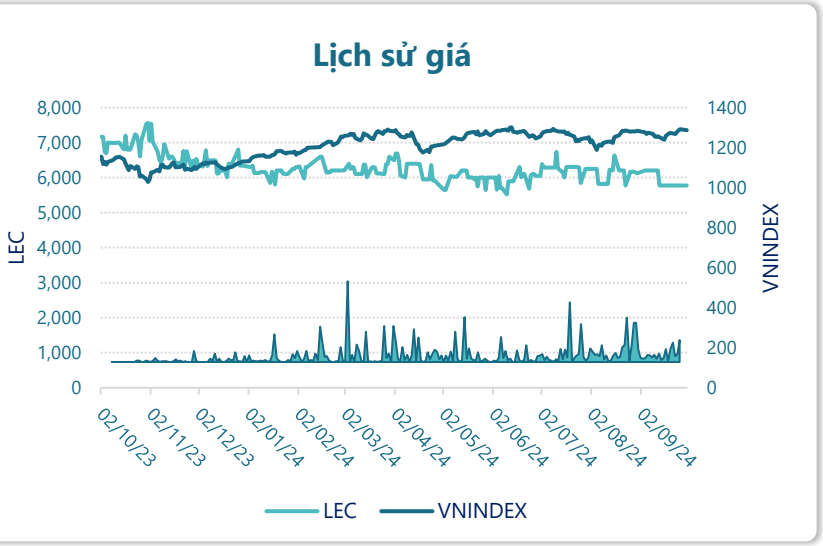
FireAnt

CTCP Bất động sản điện lực Miền Trung (HSX: LEC)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,770**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,560
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,520
SL cổ phiếu LH	26,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	75
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	151
P/E	-3.6
EPS	-1,595

DT thuần

Q3/24

23.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.40| 30.4%

YoY: ▲ 17.8| 333%

LN sau thuế

Q3/24

-6.63

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 24.1| 78.4%

YoY: ▼2.37| -55.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

5.3%

+/- YoY: ▲ 22.7%

DT thuần

9T 2024

54.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼51.5| -48.8%

LN sau thuế

9T 2024

-41.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.90| -31.8%

ROE

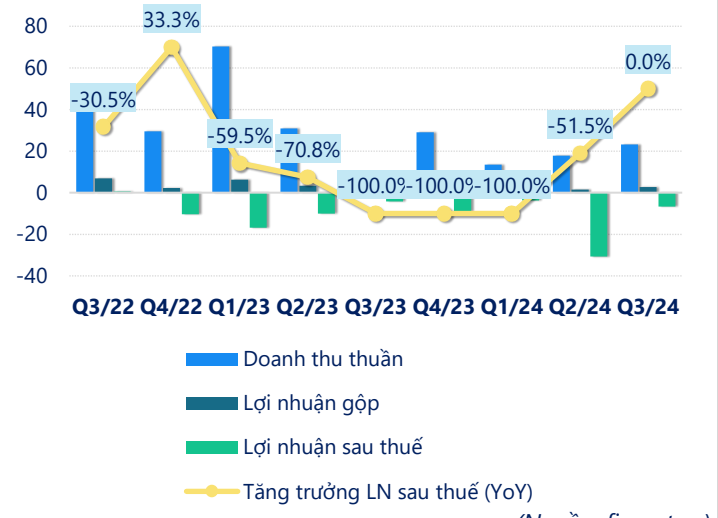
Q3/24

-11.4%

+/- YoY: ▼ 3.9%

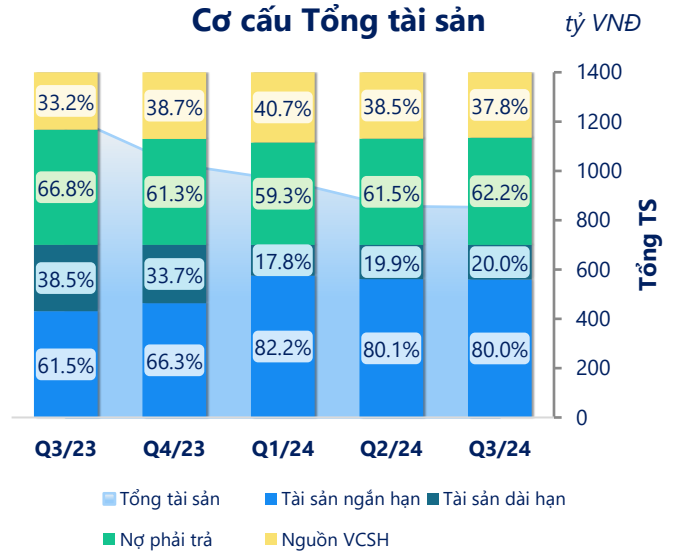
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



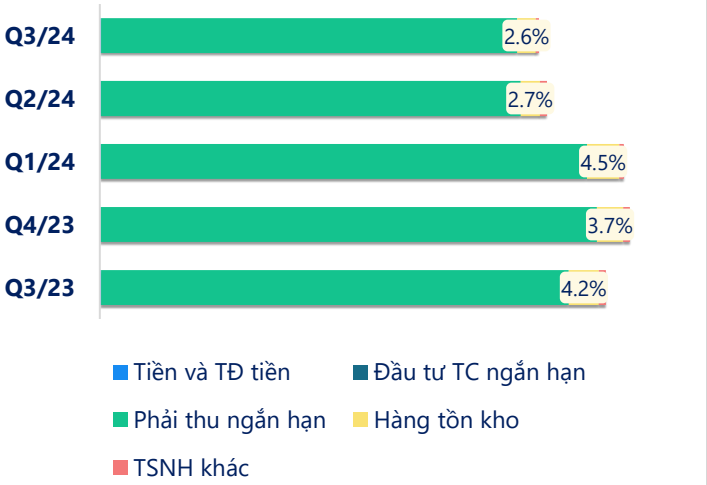
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



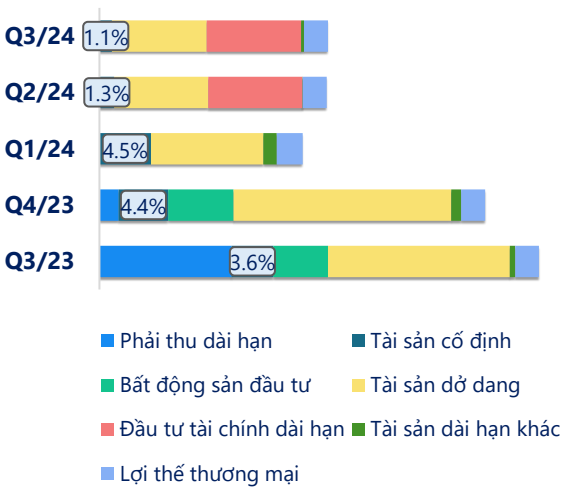
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



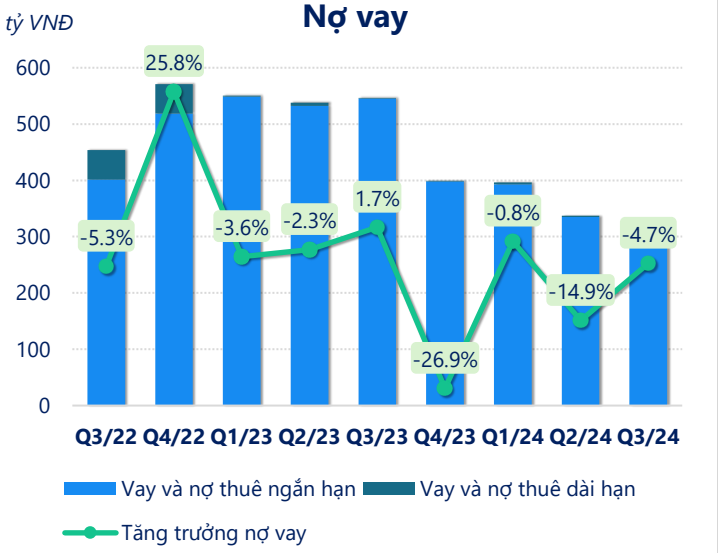
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



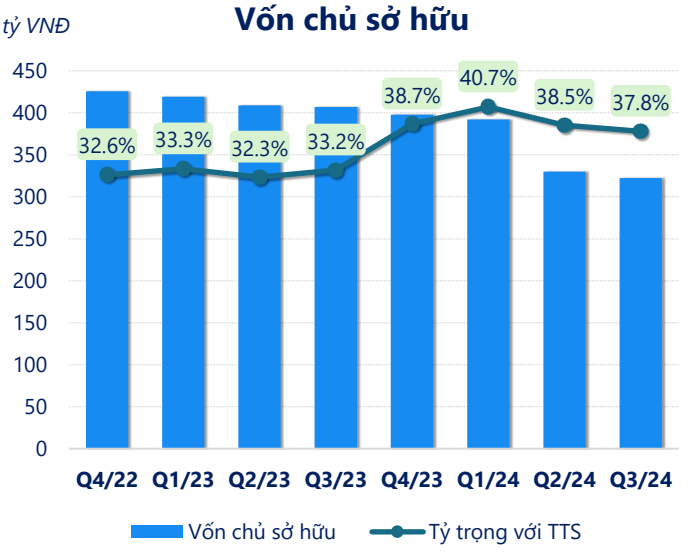
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



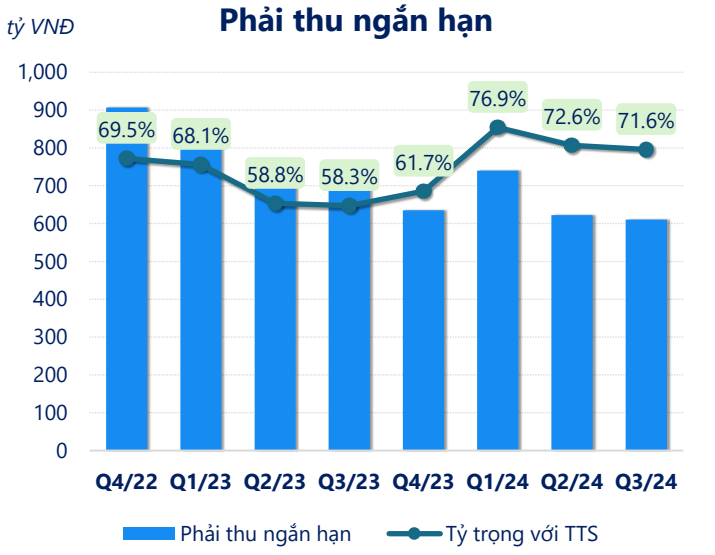
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



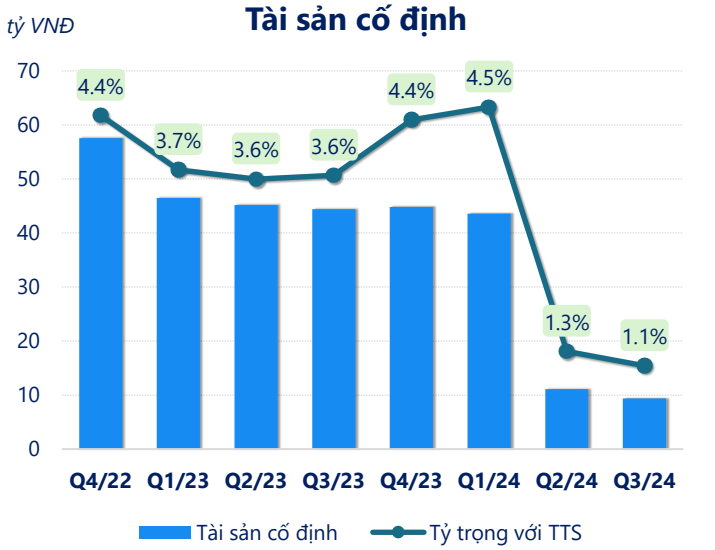
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



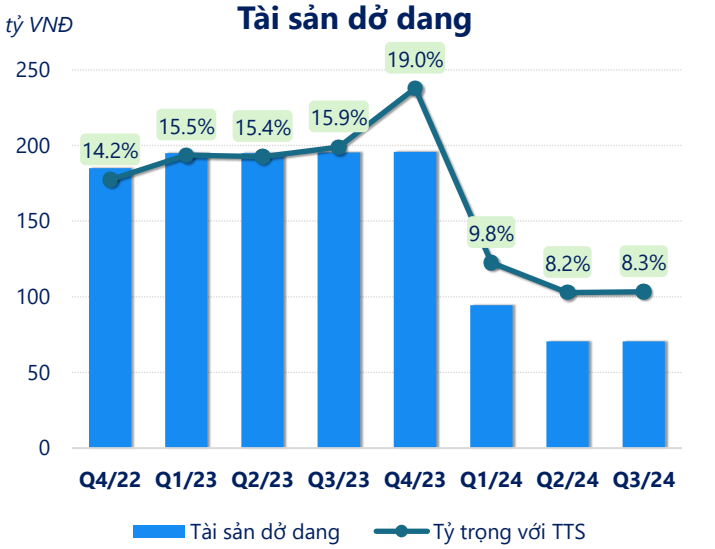
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



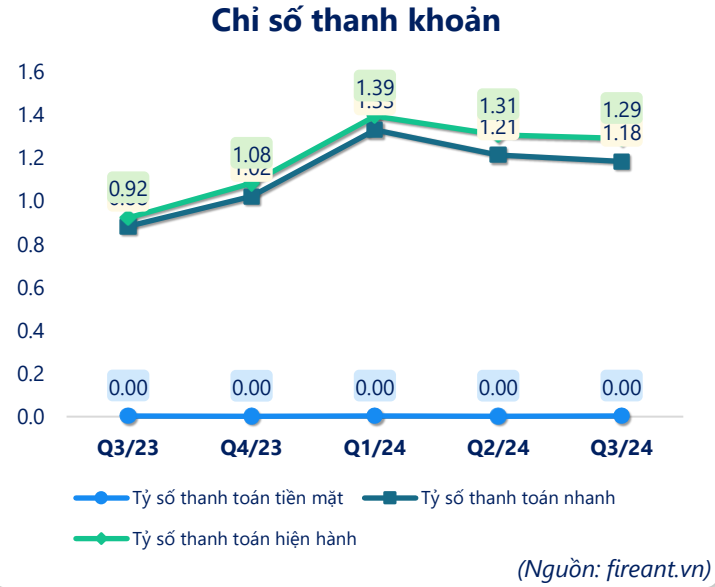
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



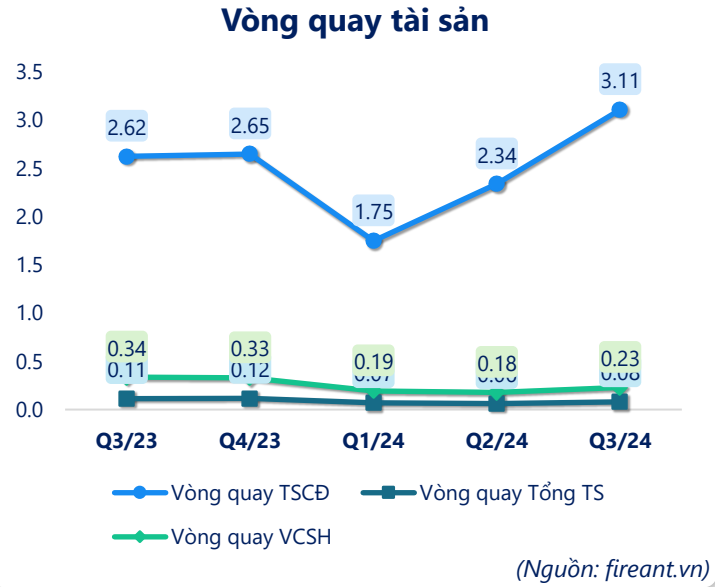
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**1,227**	**1,029**	**963**	**857**	**852**
Tài sản ngắn hạn	**755**	**682**	**792**	**687**	**682**
Tiền và tương đương tiền	2.36	1.00	1.38	0.97	1.33
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	715	635	740	623	610
Hàng tồn kho	32.2	38.5	36.6	49.4	56.0
Tài sản ngắn hạn khác	5.52	7.43	13.5	13.6	14.2
Tài sản dài hạn	**472**	**347**	**171**	**170**	**171**
Phải thu dài hạn	142	17.2	0	0	0
Tài sản cố định	44.4	44.8	43.5	11.1	9.39
Bất động sản đầu tư	58.8	58.8	0	0	0
Tài sản dở dang	195	196	94.5	70.5	70.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	70.6	70.6
Tài sản dài hạn khác	5.91	8.93	11.5	0.22	2.02
Lợi thế thương mại	25.3	21.7	21.7	18.1	18.1
Nợ phải trả	**820**	**631**	**571**	**527**	**530**
Nợ ngắn hạn	**818**	**630**	**568**	**525**	**528**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	545	398	393	335	320
Phải trả người bán ngắn hạn	190	197	141	148	150
Nợ dài hạn	1.39	1.30	3.29	2.08	1.74
Vay và nợ thuê dài hạn	1.39	1.30	3.29	1.95	1.61
Nguồn vốn chủ sở hữu	**407**	**398**	**392**	**330**	**322**
Vốn chủ sở hữu	**407**	**398**	**392**	**330**	**322**
Vốn điều lệ	261	261	261	261	261
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)